TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HS –ST
Ngày: 10 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Kiều Trung.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Bùi Văn Tần;

2/ Ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST –HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HSST – QĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **HÀ VĂN BA H (tên gọi khác: L)**, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1993 tại tỉnh P; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Cho vay; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Con ông Hà Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến nay. Bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1960; (vắng mặt)

+ Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1983; (vắng mặt)

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1962; (vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1978; (vắng mặt)

+ Bà Võ Thị Yến Nh, sinh năm 1982; (vắng mặt)

+ Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1975; (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; (vắng mặt)

+Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1971; (vắng mặt)
+Bà Đỗ Thị Kim Th, sinh năm 1966; (vắng mặt)
Cùng trú tại: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.
+ Bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1967; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.
+ Bà Cao Thị N, sinh năm 1963; (vắng mặt)
Trú tại: thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.
+ Bà Cao Thị S, sinh năm 1969; (vắng mặt)
Trú tại: thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.
+ Bà Lưu Thị T, sinh năm 1977; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.
+Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; (vắng mặt)
Trú tại: thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q.
+Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; (vắng mặt)
Trú tại: thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.
+ Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1973; (vắng mặt)
Trú tại: thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.
+ Bà Lê Thị Y, sinh năm 1980; (vắng mặt)
Trú tại: thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; (vắng mặt)
Trú tại: xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1973; (vắng mặt)
Trú tại: thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+Bà Võ Thị H, sinh năm 1981; (vắng mặt)
Trú tại: thôn Ph, xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Bùi Thị Như L, sinh năm 1992; (vắng mặt)
Trú tại: thôn N, xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1973; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Huỳnh Thị Hồng Nh, sinh năm 1987; (vắng mặt)
Trú tại: xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1995; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Trú tại: tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+Bà Bùi Thị Thu Th, sinh năm 1980; (vắng mặt)
Trú tại: đội X, xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Võ Thị Hoàng Y, sinh năm 1994; (vắng mặt)
Trú tại: tổ dân phố A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Bùi Thị Hải V, sinh năm 1976; (vắng mặt)
Trú tại: đội X, xã Ngh, huyện T, tỉnh Q.
+ Bà Trương Thị B, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Trú tại: 174 H, phường Q, thành phố Qu, tỉnh Q.
+ Bà Phan Thị B, sinh năm 1977; (vắng mặt)
Trú tại: đội X, thôn Ph, xã T, thành phố Qu, tỉnh Q.
+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1960; (vắng mặt)
+ Bà Cao Thị L, sinh năm 1977; (vắng mặt)
+ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974; (vắng mặt)
+Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1976; (vắng mặt)
+ Bà Bùi Thị Lệ Q, sinh năm 1972; (vắng mặt)
+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; (vắng mặt)
+ Bà Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1967; (vắng mặt)
+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn Ph, xã T, thành phố Qu, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; (vắng mặt)
+ Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn Ph, xã T, huyện S, tỉnh Q.
+ Bà Phan Thị Ch, sinh năm 1979; (vắng mặt)
Trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Phan Thị Lan Ch, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Trú tại: thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1965; (vắng mặt)
Trú tại: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1965; (vắng mặt)
Trú tại: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Trú tại: xóm L, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1970; (vắng mặt)
Trú tại: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q.
+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Trú tại: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Phan Thị Phương Tr, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Lê Thị Nguyên S, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Trú tại:, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Ngô Thị Minh T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Lê Thị Bích Th, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Trú tại: khối phố X, phường Ph, thành phố T, tỉnh Q.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Trú tại: tổ X, phường H, thành phố T, tỉnh Q.

+ Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1954; (vắng mặt)

Trú tại: khối phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Q.

+ Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện N, tỉnh Q.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Trú tại: H, H, thành phố T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 6 năm 2018, Hà Văn Ba H đến ở chung nhà trọ do vợ chồng Đặng Ngọc Ph, sinh năm 1992, trú tại tại xã N, huyện Th, thành phố H thuê tại số nhà 25, đường L, khối phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Tại đây, Hà Văn Ba H cùng một số đối tượng in các tờ rơi với nội dung cho vay không cần thế chấp cùng số điện thoại liên hệ rồi đi đến một số tỉnh dán các tờ rơi nhằm mục đích cho vay lãi nặng.

Với phương thức như trên, Hà Văn Ba H đi đến huyện B và các huyện khác trong tỉnh Q phát và dán các tờ rơi với nội dung "CHO VAY TIỀN - TRẢ GÓP HÀNG NGÀY. Yêu cầu: Hộ khẩu – CMND. Bản gốc: Từ 5 ->10 triệu; bản photo: từ 1 -> 4 triệu. Thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày. Liên hệ 0971.562.008". Sau khi nhận được tờ rơi, một số người có nhu cầu vay vốn liên hệ đến số điện thoại 0971.562.008 thì Hà Văn Ba H hẹn gặp họ để thỏa thuận việc cho vay tiền. Khi gặp người có nhu cầu vay tiền, Hà Văn Ba H giới thiệu tên "L", ở thành phố T. Sau đó, Hà Văn Ba H yêu cầu người có nhu cầu vay tiền cung cấp bản photo giấy

chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, đồng thời hai bên thỏa thuận về số tiền vay, hình thức trả, số tiền trả hàng ngày và thời hạn trả, điền tên người vay vào hợp đồng mua bán đã có sẵn rồi giao tiền cho người vay. Với cách thức như trên, từ tháng 6/2018 đến ngày 25/12/2018, Hà Văn Ba H đã cho người dân ở một số huyện thuộc tỉnh Q và tỉnh Qu như sau:

Trên địa bàn huyện B: cho 15 người dân vay 41 lượt với tổng số tiền vay là 144.000.000đ, lãi suất thấp nhất là 319%/năm, cao nhất là 473%/năm (cao hơn so với quy định trong Bộ luật dân sự từ 16,45 đến 23,65 lần). Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 151.510.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 110.144.139 đồng, tiền lãi là 34.115.862 đồng (lãi xuất 20% theo Bộ luật dân sự là 1.820.274đồng, lãi vượt trên 20% là 32.295.588đ) và 7.250.000 đồng tiền công thu thêm. (BL 435 – 438)

Trên địa bàn huyện Mộ Đ: Cho 03 người 06 lượt vay với số tiền 35.000.000đồng. Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 25.400.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 19.908.234 đồng, tiền lãi là 5.491.766 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 419.178 đồng, lãi vượt trên 20% là 5.072.588đồng và 1.500.000 đồng tiền công thu thêm.

Trên địa bàn huyện T: Cho 12 người, 20 lượt vay với số tiền 99.000.000 đồng. Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 100.270.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 76.215.408 đồng, tiền lãi là 24.054.592 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 1.513.425đồng, lãi vượt trên 20% là 22.541.167đồng) và 4.900.000 đồng tiền công thu thêm.

Tại địa bàn thành phố Q: Cho 10 người, 15 lượt vay với số tiền 85.000.000 đồng. Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 55.380.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 42.168.362đồng, tiền lãi là 13.211.638 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 928.219đồng, lãi vượt trên 20% là 12.283.419 đồng) và 3.300.000 đồng tiền công thu thêm.

Trên địa bàn huyện S: Cho 02 người, 03 lượt vay với số tiền 15.000.000 đồng. Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 11.760.000đồng. Trong đó: tiền gốc là 8.844.444đồng, tiền lãi là 2.915.556 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 191.781đồng, lãi vượt trên 20% là 2.723.775đồng) và 600.000 đồng tiền công thu thêm.

Trên địa bàn tỉnh Q: Cho 19 người, 34 lượt vay với số tiền 146.000.000 đồng, Hiện tại, Hà Văn Ba H đã thu được 126.400.00đồng. Trong đó: tiền gốc là 98.104.654đồng, tiền lãi là 28.295.346 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 1.623.014đồng, lãi vượt trên 20% là 26.595.620 đồng) và 7.500.000 đồng tiền công thu thêm.

Như vậy, Hà Văn Ba H đã cho 61 người vay 119 lượt với số tiền 524.000.000 đồng, Hà Văn Ba H đã thu được 463.470.000đồng. Trong đó: tiền gốc là 355.385.240 đồng, tiền lãi là 108.084.760 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 6.572.603 đồng, lãi vượt trên 20% là 101.512.157 đồng) và 25.050.000 đồng tiền công thu thêm.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT – VKS, ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Hà Văn Ba H về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hà Văn Ba H về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Hà Văn Ba H với mức án từ 08 đến 12 tháng tù.

Vấn đề dân sự:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã trả lại 03 giấy chứng minh nhân dân cho bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 28/11/1959, ở tại H, T, Q; Phan Thị Lan Ch, sinh ngày 04/8/1988, ở tại xã T, huyện N, tỉnh Qu; Đinh Thị H, sinh ngày 20/10/1970, ở tại xã T, huyện N, tỉnh Q và 01 (một) giấy phép lái xe môtô cho bà Phan Thị Lệ T, sinh ngày 20/02/1990, ở tại xã T, huyện N, tỉnh Q. HIện nay Nguyễn Thị S, Phan Thị Lan Ch, Đinh Thị H, Phan Thị Lệ T đã nhận lại các giấy tờ nói trên và không yêu cầu gì thêm.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 132122657, 01 (một) giấy phép lái xe môtô số 250168008277 và 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank của Hà Văn Ba H, các giấy tờ trên không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT- Công an huyện B trả lại tài sản cho Hà Văn Ba H.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92H6 – 92XX do Hà Văn Ba H sử dụng để đi lại giao dịch thu tiền lãi vay. Qua điều tra, Hà Văn Ba H khai xe này do Đặng Ngọc Ph đưa cho Hà Văn Ba H sử dụng. Xác minh xe môtô này do bà Đặng Thị Nh, sinh năm 1972, ở tại Q, B, T, Qu đứng tên. Qua làm việc, bà Đặng Thị Nh xác nhận đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho người khác, không nhớ họ tên và ở đâu. Hiện Cơ quan CSĐT- Công an huyện B đang tạm giữ khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Vấn đề xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu xám, mặt trước điện thoại có nhiều vết rạng nức. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, hư hỏng không sử dụng được. Điện thoại này Hà Văn Ba H sử dụng để liên hệ việc vay tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) tờ giấy A4, có in mẫu hợp đồng mua bán và 08 (tám) mẫu giấy KT(10,3x6,5)cm, có in chữ CHO VAY TIỀN - TRẢ GÓP HÀNG NGÀY. Yêu cầu: Hộ khẩu – CMND. Bản gốc: Từ 5 ->10 triệu; bản phô tô: từ 1 -> 4 triệu. Thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày. Liên hệ 0971.562.008. Tờ giấy này Hà Văn Ba H in ra để phục vụ cho việc cho vay, đề nghị Hội đồng xét xử thu tiêu hủy.

- Số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm ngàn đồng) thu giữ trong người Hà Văn Ba H. Qua làm việc với Hà Văn Ba H xác định trong đó chỉ có 1.410.000 đồng là thu tiền lãi của những người vay. Số tiền còn lại 2.090.000 đồng thuộc sở hữu cá nhân của Hà Văn Ba H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B trả lại cho Hà Văn Ba H.

- Số đồ vật, tài liệu thu giữ còn lại lúc khám xét trong nhà trọ của Hà Văn Ba H tại 25, đường L, khối phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Qu gồm: 92.410.000 đồng (chín mươi hai triệu, bốn trăm, mười ngàn đồng); 01 (một) quyển vở học sinh loại 96 trang, 4 ô ly vuông, bìa vở màu vàng, bên góc trên trái bìa vở trước có ghi mã số 0371; 01 (một) quyển vở học sinh loại 96 trang, 5 ô ly vuông, bìa vở màu vàng, bên góc trên trái bìa vở có ghi mã số 0372; 01 (một) quyển vở học sinh loại 200 trang, 4 ô ly, bên góc dưới trái bìa vở trước có chữ số 200 MS 5310; 01 (một) quyển vở học sinh loại 4 ô ly, bìa màu đỏ, dưới cùng bìa vở có chữ ANIMAL; 01 (một) cuốn sổ tay bìa màu đen có KT(14,5x9,5)cm. Số đồ vật tài liệu nói trên hiện chưa xác định được chủ sở hữu, khi nào làm rõ xử lý sau.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa cũng như tranh luận, thống nhất về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hà Văn Ba H đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018 Hà Văn Ba H đã thực hiện giao dịch dân sự cho 61 cá nhân với 119 lượt vay gồm:

Cho bà Nguyễn Thị Ch vay số tiền 8.000.000đồng, đã thu số tiền 6.700.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 92.054đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.407.946 đồng, tiền thu thêm là 400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.807.946 đồng; cho bà Phan Thị Thu H vay số tiền 13.000.000 đồng, đã thu số tiền 12.600.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 132.603đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.916.114đồng, tiền thu thêm là 500.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.416.114 đồng; cho bà Hoàng Thị H vay số tiền 3.000.000 đồng, đã thu số tiền

4.250.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 44.384đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.005.616 đồng, tiền thu thêm là 200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.205.616 đồng; cho bà Phạm Thị L vay số tiền 12.000.000đồng, đã thu số tiền 11.960.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 155.6173đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.798.322đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.398.322đồng; cho bà Võ Thị Yến Nh vay số tiền 10.000.000 đồng, đã thu số tiền 10.650.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 107.945đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.331.798đồng, tiền thu thêm là 800.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.131.798đồng; cho bà Đặng Thị Th vay số tiền 4.000.000 đồng, đã thu số tiền 5.450.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 76.712đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.173.288đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.773.288đồng; cho bà Nguyễn Thị Ny vay số tiền 7.000.000đồng, đã thu số tiền 9.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 101.370 đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.148.630 đồng, tiền thu thêm là 350.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.498.630 đồng; cho bà Đỗ Thị V vay số tiền 4.000.000 đồng, đã thu số tiền 5.320.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 70.137 đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.049.863 đồng, tiền thu thêm là 200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.249.863đồng; cho bà Đỗ Thị Kim Thuận vay số tiền 8.000.000 đồng, đã thu số tiền 6.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 63.561 đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.274.900 đồng, tiền thu thêm là 400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.674.900 đồng; cho bà Trần Thị Kim M vay số tiền 19.000.000đồng, đã thu số tiền 19.900.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 215.890đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 4.603.767 đồng, tiền thu thêm là 1.200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.803.757 đồng; cho bà Cao Thị N vay số tiền 15.000.000 đồng, đã thu số tiền 15.600.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 205.479 đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 3.075.771 đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.675.771 đồng; cho bà Cao Thị S vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 9.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 126.027đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.886.473, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.286.473đồng; cho bà Lưu Thị T vay số tiền 8.000.000đồng, đã thu số tiền 7.120.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 92.055đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.537.036đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.937.036đồng; cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 8.000.000đồng, đã thu số tiền 10.960.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 144.658đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.415.342đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.815.342đồng; cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 15.000.000đồng, đã thu số tiền 14.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 191.780đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.870.720đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.470.720đồng; cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 15.000.000đồng, đã thu số tiền 5.900.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 142.466đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 930.550đồng, tiền thu thêm là 700.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.630.550đồng; cho bà Trương Thị Tr vay số tiền 15.000.000đồng, đã thu số tiền 14.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 189.041đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.829.709đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.429.709đồng; cho bà Lê Thị Y vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền

6.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 87.671đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.312.329đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.412.329đồng; cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 3.000.000đồng, đã thu số tiền 4.250.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 44.384đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.005.616đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.205.616đồng; cho bà Lê Thị D vay số tiền 4.000.000đồng, đã thu số tiền 4.140.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 52.503đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 878.306đồng, tiền thu thêm là 300.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.178.306đồng; cho bà Võ Thị H vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 6.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 87.671đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.312.329đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.512.329đồng; cho bà Bùi Thị Như L vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 10.800.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 142.466đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.132.534đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.532.534đồng; cho bà Nguyễn Thị Thanh Ng vay số tiền 20.000.000đồng, đã thu số tiền 21.480.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 350.684đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 5.245.595đồng, tiền thu thêm là 1.000.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.245.595đồng; cho bà Huỳnh Thị Hồng Nh vay số tiền 8.000.000đồng, đã thu số tiền 6.800.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 87.671đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.463.844đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.863.844đồng; cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 10.050.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 178.082đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.013.778đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.613.778đồng; cho bà Nguyễn Thị Q vay số tiền 9.000.000đồng, đã thu số tiền 10.350.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 106.850đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.620.928đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.220.928đồng; cho bà Nguyễn Thị Thu S vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 13.500.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 235.616đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.664.384đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.264.384đồng; cho bà Bùi Thị Thu Th vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 4.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 57.534đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 861.216đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.061.216đồng; cho bà Võ Thị Hoàng U vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 2.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 35.616đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 533.134đồng, số tiền thu lợi bất chính là 533.134đồng; cho bà Bùi Thị Hải V vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 10.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 134.246đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.009.504đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.409.504đồng; cho bà Trương Thị B vay số tiền 12.000.000đồng, đã thu số tiền 13.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 140.273đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.813.573đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.413.573đồng; cho bà Phan Thị B vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 3.650.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 63.014đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 712.568đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 912.568đồng; cho bà Đặng Thị H vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 3.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20%

là 54.795đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 619.624đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 819.624đồng; cho bà Cao Thị L vay số tiền 7.000.000đồng, đã thu số tiền 4.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 76.712đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 944.564đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.144.564đồng; cho bà Nguyễn Thị Kim L vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 9.100.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 158.904đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.796.910đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.196.910đồng; cho bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 14.000.000đồng, đã thu số tiền 12.580.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 222.466đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.935.312đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.335.312đồng; cho bà Bùi Thị Lệ Q vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 3.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 54.795đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 619.624đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 819.624đồng; cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 3.050.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 52.055đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 588.643đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 788.643đồng; cho bà Phạm Thị Thu Th vay số tiền 7.000.000đồng, đã thu số tiền 3.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 61.370đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 755.651đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 955.651đồng; cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 15.000.000đồng, đã thu số tiền 2.900.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 43.835đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 496.951đồng, tiền thu thêm là 700.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.196.951đồng; cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 7.000.000đồng, đã thu số tiền 5.660.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 99.726đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.315.830đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.515.830đồng; cho bà Trần Thị Thu Th vay số tiền 8.000.000đồng, đã thu số tiền 6.700.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 92.054đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.407.946đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.807.946đồng; cho bà Phan Thị Ch vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 9.800.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 128.767đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.927.483đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.327.483đồng; cho bà Phan Thị Lan Ch vay số tiền 20.000.000đồng, đã thu số tiền 14.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 186.302đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 2.080.000đồng, tiền thu thêm là 1.000.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.080.000đồng; cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 6.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 84.932đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.115.068đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.315.068đồng; cho bà Phan Thị Mỹ H vay số tiền 5.000.000đồng, đã thu số tiền 5.400.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 71.233đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.066.267đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.266.267đồng; cho bà Trương Thị Thanh H vay số tiền 6.000.000đồng, đã thu số tiền 5.350.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 54.247đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.229.086đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.629.086đồng; cho bà Nguyễn Thị Ánh H vay số tiền 3.000.000đồng, đã thu số tiền 4.250.000đồng, trong

đó tiền lãi cho phép 20% là 44.384đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.005.616đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.205.616đồng; cho bà Đinh Thị H vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 7.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 98.631đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.343.794đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.743.794đồng; cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 21.000.000đồng, đã thu số tiền 21.900.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 265.752đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 4.340.497đồng, tiền thu thêm là 1.200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.540.497đồng; cho bà Nguyễn Thị Ng vay số tiền 4.000.000đồng, đã thu số tiền 2.200.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 21.918đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 439.621đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 639.621đồng; cho bà Phạm Thị Nh vay số tiền 4.000.000đồng, đã thu số tiền 5.480.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 72.329đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.207.671đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.407.671đồng; cho bà Phan Thị Phương Tr vay số tiền 4.000.000đồng, đã thu số tiền 2.760.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 35.068đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 585.538đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 785.538đồng; cho bà Lê Thị Nguyên S vay số tiền 3.000.000đồng, đã thu số tiền 4.250.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 44.384đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.005.616đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.205.616đồng; cho bà Ngô Thị Minh T vay số tiền 9.000.000đồng, đã thu số tiền 7.500.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 75.617đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.713.272đồng, tiền thu thêm là 600.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.313.272đồng; cho bà Lê Thị Bích Thu vay số tiền 6.000.000đồng, đã thu số tiền 6.160.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 78.904đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.226.550đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.626.550đồng; cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 6.000.000đồng, đã thu số tiền 5.800.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 59.179đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.340.821đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.740.821đồng; cho bà Nguyễn Thị Tr vay số tiền 3.000.000đồng, đã thu số tiền 2.600.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 32.877đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 548.941đồng, tiền thu thêm là 200.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 748.941đồng; cho bà Phan Thị Lệ T vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 7.800.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 101.370đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.517.380đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.917.380đồng; cho bà Lê Thị T vay số tiền 10.000.000đồng, đã thu số tiền 9.550.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 167.123đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.889.854đồng, tiền thu thêm là 400.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.289.854đồng; cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 7.000.000đồng, đã thu số tiền 4.500.000đồng, trong đó tiền lãi cho phép 20% là 76.712đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 1.012.177đồng, tiền thu thêm là 300.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.312.177đồng. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 524.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật những người vay nêu trên phải trả lãi của số tiền gốc cho bị cáo là 6.572.603 đồng nhưng tổng số tiền lãi những người vay đã trả cho bị cáo là 108.084.760 đồng. Như vậy số tiền lãi mà bị cáo Hà Văn Ba H thu lợi bất chính từ việc cho vay nêu trên là 101.512.157 đồng

(308,9%, gấp 15,4 lần lãi suất quy định), số tiền công bị cáo thu thêm trái pháp luật là 25.050.000 đồng, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 126.562.157 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Hà Văn Ba H cho vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 126.562.157 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội do bị cáo Hà Văn Ba H gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo làm người dân lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm "tín dụng đen". Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, ý thức được cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích lợi nhuận vẫn cố tình thực hiện nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hà Văn Ba H đã thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng (119 lần), tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội là 126.562.157đồng, các lần phạm tội của bị cáo đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điêu 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] *Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

Tổng số tiền gốc bị cáo cho vay là 524.000.000đồng, tổng số tiền bị cáo thu được là 488.520.000đồng, trong đó tiền gốc là: 355.385.240đồng, tiền lãi vượt quá 20% là 101.512.157đồng, tiền lãi cho phép (20%) là 6.572.000đồng, tiền thu thêm là 25.050.000đồng, số tiền những người vay chưa trả cho bị cáo là 142.410.000đồng. Số tiền gốc bị cáo Hà Văn Ba H cho vay là 524.000.000đồng được xác định là công cụ để bị cáo thực hiện việc phạm nên cần buộc bị cáo giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ số tiền bị cáo chưa thu là 142.410.000đồng, số tiền gốc bị cáo phải giao nộp để thu vào Ngân sách Nhà nước là 381.590.000đồng.

- Đối với số tiền lãi 6.572.603 đồng (tương ứng với lãi suất 20%) được xác định là tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên cần buộc bị cáo giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 126.562.157đồng gồm tiền lãi vượt quá 20% là 101.512.157đồng và tiền thu thêm là 25.050.000đồng được xác định là khoản tiền bị cáo Hà Văn Ba Hưng thu lợi bất chính từ việc phạm tội nhưng những người vay gồm: Nguyễn Thị Ch, Phan Thị Thu H, Hoàng Thị H, Phạm Thị L, Võ Thị Yến Nh, Đặng Thị Th, Nguyễn Thị N, Đỗ Thị V, Đỗ Thị Kim Th, Trần Thị Kim M, Cao Thị N, Cao Thị S, Lưu Thị T, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Th, Trương Thị Tr, Lê Thị Y, Nguyễn Thị D, Lê Thị D, Võ Thị H, Bùi Thị Như L, Nguyễn Thị Thanh Ng, Huỳnh Thị Hồng Nh, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Thu S, Bùi Thị Thu Th, Võ Thị Hoàng Y, Bùi Thị Hải V, Trương Thị B, Phan Thị B, Đặng Thị H, Cao Thị L, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Ph, Bùi Thị Lệ Q, Nguyễn Thị Th, Phạm Thị Thu Th, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị L, Trần Thị Thu Th, Phan Thị Ch, Phan Thị Lan Ch, Nguyễn Thị Mỹ D, Phan Thị Mỹ H, Trương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Ánh H, Đinh Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ng, Phạm Thị Nh, Phan Thị Phương Tr, Lê Thị Nguyên S, Ngô Thị Minh T, Lê Thị Bích Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tr, Phan Thị Lệ T, Lê Thị T, Nguyễn Thị S không yêu cầu và khiếu nại gì, vì vậy cần buộc bị cáo nộp để tịch thu số tiền 126.562.157đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Như vậy, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Hà Văn Ba H giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 514.724.760đồng (381.590.000đồng + 6.572.603 đồng + 126.562.157đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm giữ của bị cáo là 1.410.000đồng, số tiền còn lại buộc bị cáo giao nộp là 513.314.760đồng.

Đối với số tiền 142.410.000đồng của bị cáo chưa thu của người vay được xác định là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, buộc những người sau đây nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: bà Trần Thị Kim M số tiền 2.500.000đồng; bà Võ Thị Yến Nh số tiền 1.800.000đồng; bà Cao Thị Nước số tiền 2.800.000đồng; bà Lê Thị Dung số tiền 160.000đồng; bà Bùi Thị Như L số tiền 1.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Thanh Ng số tiền 3.280.000đồng; bà Nguyễn Thị N số tiền 2.000.0000đồng; bà Nguyễn Thị Q số tiền 1.350.000đồng; bà Bùi Thị Hải V số tiền 1.600.000đồng; bà Trương Thị B số tiền 1.600.000đồng; bà Trần Thị Thu Th số tiền 2.950.000đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 4.300.000đồng; bà Nguyễn Thị S số tiền 2.800.000đồng; bà Nguyễn Thị Ch số tiền 2.950.000đồng; bà Phan Thị Thu H số tiền 3.600.000đồng; bà Phạm Thị L số tiền 3.200.000đồng; bà Đỗ Thị Kim Th số tiền 3.400.000đồng; bà Cao Thị S số tiền 2.200.000đồng; bà Lưu Thị T số tiền 2.560.000đồng; bà Nguyễn Thị V số tiền 3.800.000đồng; bà Nguyễn Thị Th số tiền 9.800.000đồng; bà Trương Thị Tr số tiền 4.000.000đồng; bà Huỳnh Thị Hồng Nh số tiền 2.880.000đồng; bà Bùi Thị Thu Th số tiền 800.000đồng; bà Võ Thị Hoàng U số tiền 2.400.000đồng; bà Phan Thị B số tiền 1.550.000đồng; bà Đặng Thị H số tiền 2.000.000đồng; bà Cao Thị L số tiền 3.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.750.000đồng; bà Nguyễn Thị Ph số tiền 4.270.000đồng; bà Bùi Thị Lệ Q số tiền 2.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Th số tiền 2.150.000đồng; bà Phạm Thị Thu Th số tiền 3.800.000đồng; bà Nguyễn Thị V số tiền 12.800.000đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 1.540.000đồng; bà Trần Thị Thu Th số

tiền 2.950.000đồng; bà Phan Thị Ch số tiền 2.000.000đồng; bà Phan Thị Lan Ch số tiền 8.400.000đồng; bà Trương Thị Thanh H số tiền 2.100.000đồng; bà Đinh Thị H số tiền 4.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Ng số tiền 2.000.000đồng; bà Phan Thị Phương Tr số tiền 1.440.000đồng; bà Ngô Thị Minh T số tiền 2.580.000đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền 1.650.000đồng; bà Nguyễn Thị Tr số tiền 600.000đồng; bà Phan Thị Lệ T số tiền 4.000.000đồng; bà Lê Thị T số tiền 2.300.000đồng; bà Nguyễn Thị S số tiền 2.800.000đồng.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu xám, mặt trước điện thoại có nhiều vết rạng nức, bung, hư hỏng, không còn sử dụng được, bị cáo Hà Văn Ba H dùng vào việc gọi điện để cho vay và thu tiền lãi nên được xác định là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) tờ giấy A4, có in mẫu hợp đồng mua bán và 08 (tám) mẫu giấy KT(10,3x6,5)cm, có in chữ "CHO VAY TIỀN - TRẢ GÓP HÀNG NGÀY. Yêu cầu: Hộ khẩu – CMND. Bản gốc: Từ 5 ->10 triệu; bản phô tô: từ 1 -> 4 triệu. Thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày. Liên hệ 0971.562.008" là tài liệu chứng cứ chứng minh việc phạm tội của bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với số đồ vật, tài liệu thu giữ còn lại lúc khám xét trong nhà trọ của Hà Văn Ba H tại số 25, đường L, khối phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Qu gồm: 92.410.000đồng; 01 (một) quyển vở học sinh loại 96 trang, 4 ô ly vuông, bìa vở màu vàng, bên góc trên trái bìa vở trước có ghi mã số 0371; 01 (một) quyển vở học sinh loại 96 trang, 5 ô ly vuông, bìa vở màu vàng, bên góc trên trái bìa vở có ghi mã số 0372; 01 (một) quyển vở học sinh loại 200 trang, 4 ô ly, bên góc dưới trái bìa vở trước có chữ số 200 MS 5310; 01 (một) quyển vở học sinh loại 4 ô ly, bìa màu đỏ, dưới cùng bìa vở có chữ ANIMAL; 01 (một) cuốn sổ tay bìa màu đen có KT(14,5x9,5)cm. Số đồ vật tài liệu Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được chủ sở hữu, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 92H6 – 92XX được bị cáo Hà Văn Ba H sử dụng để đi lại giao dịch thu tiền lãi vay. Xe môtô này do bà Đặng Thị Nh, đứng tên đăng ký sở hữu và đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho người khác, không rõ họ tên và ở đâu. Bị cáo Hà Văn Ba H xác định xe này do Đặng Ngọc Ph đưa cho Hà Văn Ba H sử dụng. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục tạm giữ xe mô tô nói trên và tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Bà Nguyễn Thị S, Phan Thị Lan Ch, Đinh Thị H đã nhận lại 03 giấy chứng minh nhân; bà Phan Thị Lệ T đã nhận lại 01 giấy phép lái xe môtô và đều không yêu cầu hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho bị cáo Hà Văn Ba H 01 chứng minh nhân dân số 132122657, 01 giấy phép lái xe môtô số 250168008277 và 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Sacombank vì các giấy tờ trên không liên quan đến vụ án là phù hợp, bị cáo đã nhận đủ và không yêu cầu hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Trong quá trình điều tra Hà Văn Ba H còn khai nhận đã cho 10 người, 17 lượt vay với số tiền 68.000.000 đồng, Hà Văn Ba H đã thu được 70.080.000đồng, trong đó: tiền gốc là 53.378.472 đồng, tiền lãi là 16.701.528 đồng (lãi suất 20% theo Bộ luật dân sự là 964.932 đồng, lãi vượt trên 20% là 15.736.596 đồng) và 3.400.000 đồng tiền công thu thêm. Gồm bà Th, ở chợ C, xã T, thành phố Q; bà Huệ, ở gần Chợ Tre xã Ngh, huyện T; bà Đ, bán cá trong chợ T, huyện M; bà D, bà D, bà O; bà Ng, bà Th, đều ở thành phố T, tỉnh Qu; bà M ở T, N, tỉnh Q. Đối với số người trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được bị hại. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[7] Bị cáo Hà Văn Ba H khai nhận người trực tiếp đưa xe, điện thoại và đưa tiền cho bị cáo để bị cáo đưa cho người khác vay nhằm thu lợi bất chính là đối tượng Đặng Ngọc Ph, sinh năm 1992, trú tại xã N, huyện T, thành phố H. Theo lời khai của bị cáo thì hành vi của đối tượng Đặng Ngọc Ph có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Hà Văn Ba H về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc với Đặng Ngọc Ph, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý Đặng Ngọc Ph sau.

[8] *Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B*: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Hà Văn Ba H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Ba H 08 *(tám)* tháng 11 *(mười một)* ngày tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2018 đến ngày 10/9/2019. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Hà Văn Ba H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Hà Văn Ba H nộp số tiền 514.724.760đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm giữ của bị cáo là

1.410.000đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/04216, ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q. Số tiền còn lại buộc bị cáo Hà Văn Ba H giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là 513.314.760đồng *(Năm trăm mười ba triệu, ba trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng)*.

- Buộc những người có tên sau đây nộp tiền để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, gồm: bà Trần Thị Kim M số tiền 2.500.000đồng; bà Võ Thị Yến Nh số tiền 1.800.000đồng; bà Cao Thị N số tiền 2.800.000đồng; bà Lê Thị D số tiền 160.000đồng; bà Bùi Thị Như L số tiền 1.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Thanh Ng số tiền 3.280.000đồng; bà Nguyễn Thị N số tiền 2.000.0000đồng; bà Nguyễn Thị Qu số tiền 1.350.000đồng; bà Bùi Thị Hải V số tiền 1.600.000đồng; bà Trương Thị B số tiền 1.600.000đồng; bà Trần Thị Thu Th số tiền 2.950.000đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 4.300.000đồng; bà Nguyễn Thị S số tiền 2.800.000đồng; bà Nguyễn Thị Ch số tiền 2.950.000đồng; bà Phan Thị Thu H số tiền 3.600.000đồng; bà Phạm Thị L số tiền 3.200.000đồng; bà Đỗ Thị Kim Th số tiền 3.400.000đồng; bà Cao Thị S số tiền 2.200.000đồng; bà Lưu Thị T số tiền 2.560.000đồng; bà Nguyễn Thị V số tiền 3.800.000đồng; bà Nguyễn Thị Th số tiền 9.800.000đồng; bà Trương Thị Tr số tiền 4.000.000đồng; bà Huỳnh Thị Hồng Nh số tiền 2.880.000đồng; bà Bùi Thị Thu Th số tiền 800.000đồng; bà Võ Thị Hoàng U số tiền 2.400.000đồng; bà Phan Thị B số tiền 1.550.000đồng; bà Đặng Thị H số tiền 2.000.000đồng; bà Cao Thị L số tiền 3.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.750.000đồng; bà Nguyễn Thị Ph số tiền 4.270.000đồng; bà Bùi Thị Lệ Q số tiền 2.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Th số tiền 2.150.000đồng; bà Phạm Thị Thu Th số tiền 3.800.000đồng; bà Nguyễn Thị V số tiền 12.800.000đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 1.540.000đồng; bà Trần Thị Thu Th số tiền 2.950.000đồng; bà Phan Thị Ch số tiền 2.000.000đồng; bà Phan Thị Lan Ch số tiền 8.400.000đồng; bà Trương Thị Thanh H số tiền 2.100.000đồng; bà Đinh Thị H số tiền 4.000.000đồng; bà Nguyễn Thị Ng số tiền 2.000.000đồng; bà Phan Thị Phương Tr số tiền 1.440.000đồng; bà Ngô Thị Minh T số tiền 2.580.000đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền 1.650.000đồng; bà Nguyễn Thị Tr số tiền 600.000đồng; bà Phan Thị Lệ T số tiền 4.000.000đồng; bà Lê Thị T số tiền 2.300.000đồng; bà Nguyễn Thị S số tiền 2.800.000đồng.

- Tuyên tiêu huỷ: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu xám, mặt trước điện thoại có nhiều vết rạng nức, bung, hư hỏng, không còn sử dụng được (theo theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hà Văn Ba H phải nộp 200.000đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.;
- UBND x.V, h.T, t.P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung